

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/LĐ-ST
Ngày: 30-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng lao
động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Rạt

2. Ông Trần Trọng Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2019/TLST-LĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc: “tranh chấp hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-LĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐST-LĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bu Tra N, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 2, thị trấn H1, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Công ty Cổ phần H (gọi tắt: Công ty H)

Người đại diện theo pháp luật: Ông K Mohan – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Khu vực M, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bu Tra N trình bày:

Từ năm 1996, ông và Công ty H có ký hợp đồng lao động, ông làm việc tại bộ phận cơ khí cho Công ty. Đến năm 2013, ông và Công ty có ký tiếp hợp đồng lao động không xác định thời hạn, cũng với công việc cơ khí, mức lương là 3.349.500 đồng, hệ số là 3.19. Trong quá trình làm việc, Công ty chưa thanh toán tiền lương tháng 01/2016 là 1.006.700 đồng; tháng 02/2016 là 2.110.900 đồng; tháng 07/2016 là 691.300 đồng; lương ngừng việc từ tháng 8/2016 đến tháng 6/2017, mức lương ngừng việc mỗi tháng 3.349.500 đồng x 11 tháng = 36.844.500 đồng. Việc tính lương căn cứ và bảng tính lương của kế toán và mức lương theo hợp đồng lao động, nên tổng số tiền mà Công ty H còn nợ ông là 40.653.400 đồng.

Ông Bu Tra N yêu cầu Công ty H thanh toán tiền lương chưa trả là 40.653.400 đồng. Ngoài ra, ông Bu Tra N không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty H do ông K Mohan làm đại diện theo pháp luật vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt, nên vụ án không hòa giải được và Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bu Tra N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Kumar Arunachalam Mohan vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đương sự có mặt đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Nguyên đơn ông Bu Tra N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ; người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông K Mohan vắng mặt, nhưng đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì giữa Công ty H và ông Bu Tra N có ký hợp đồng lao động vào ngày 20/6/2013, do ông Bu N Tra nộp và Danh sách lao động nợ BHXH, BHYT, BHTN của Bảo hiểm Xã hội tỉnh Long An cung cấp, chứng minh ông Bu Tra N có làm việc vào thời điểm tháng 01, 02, 07/2016 và ngưng chờ việc từ tháng 08/2016 cho đến nay.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Công ty H phải trả cho nguyên đơn số tiền 40.653.400 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Bu Tra N khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty H thanh toán tiền lương còn nợ theo Hợp đồng lao động ngày 20/6/2013; việc tranh chấp động đã được hòa giải lao động và thời hiệu tranh chấp vẫn còn. Căn cứ các khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 201, 202 của Bộ luật lao động năm 2012, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là: “tranh chấp tranh chấp hợp đồng lao động” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Ông Bu Tra N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Công ty H do ông K Mohan đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[3] Theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/5/2019 thì nguyên đơn ông Bu Tra N yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty H trả tiền lương còn nợ là 40.653.400 đồng. Bị đơn Công ty H không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/5/2019, để xét xử vụ án.

[5] Theo Hợp đồng lao động ngày 20/6/2013 thì có căn cứ xác định giữa Công ty H với ông Bu Tra N có giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn; việc xác lập hợp đồng lao động theo ý chí tự nguyện của các bên; mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 16, 23 và 25 của Bộ luật lao động năm 2012, nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh về quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

[6] Theo sự thừa nhận của đương sự thì ông Bu Tra N làm việc tại Công ty H từ năm 1996 cho đến tháng 7/2016 thì Công ty ngưng hoạt động nhưng ông N vẫn đi làm cho đến hết tháng 7/2016 thì mới ngưng chờ việc. Trong quá trình làm việc Công ty thanh cho ông tiền lương tháng 3/2016 đến tháng 6/2016, nhưng vào giai đoạn tháng 01, 02, 07/2016 do Công ty gặp khó khăn trong kinh doanh nên chưa thanh toán đủ tiền lương cho ông. Căn cứ vào hợp đồng lao động thì mức lương của ông N là 3.349.500 đồng/tháng nhưng ông N chỉ yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền là 3.808.900 đồng (cụ thể tháng 01/2016: 1.006.700 đồng; tháng 02/2016: 2.110.900 đồng; tháng 07/2016: 691.300 đồng) nên được chấp nhận.

[7] Từ tháng 7/2016, Công ty H ngưng hoạt động nhưng không có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông N nên xem như vẫn còn là người lao động của Công ty nên vẫn phải trả lương theo quy định. Theo Biên bản kê biên, xử lý tài sản do Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An lập ngày 14/7/2017 thì xác định Công ty H chính thức ngưng hoạt động kể từ ngày 14/7/2017 nên ông N yêu cầu trả lương ngừng việc từ tháng 8/2016 đến tháng 6/2017 là phù hợp theo quy định tại Điều 98 của Bộ luật lao động. Mức lương ngừng việc mà ông Bu Tra N yêu cầu căn cứ theo mức lương chờ việc thỏa thuận theo Hợp đồng lao động ngày 20/6/2013, tổng số tiền lương chờ việc là 11 tháng x 3.349.500 đồng = 36.844.500 đồng nên được chấp nhận.

[8] Ông Bu Tra N không yêu cầu Công ty H trả tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật lao động năm 2012 là hoàn toàn tự nguyện nên không đề cập.

[9] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định Công ty H phải có nghĩa vụ trả tiền lương còn nợ cho ông Bu Tra N là 40.653.400 đồng. Cho nên yêu cầu khởi kiện của ông Bu Tra N và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp là căn cứ pháp luật.

[10] Về án phí sơ thẩm: Công ty H phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 32, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 96, 98, 201, 202 của Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bu Tra N về tranh chấp hợp đồng lao động với Công ty H.

Buộc Công ty H trả tiền lương còn nợ cho ông Bu Tra N là 40.653.400 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc Công ty H phải nộp 1.219.600 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hoà;
- Chi cục THADS huyện Đức Hoà;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương